TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** TỈNH N	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28/12/2023
Về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích T
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Thu H
Bà Hoàng Thị Kim P

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Tg, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đ- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N - tỉnh N xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp: "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị PA, sinh năm 2000;

Địa chỉ: số nhà 20, ngõ 108, đường H, phố P, phường N thành phố N, tỉnh N.

- **Bị đơn**: Anh Trần Minh C, sinh năm 2000.

Địa chỉ: số nhà 22, ngõ 30, đường K, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1979 (*mẹ đẻ chị PA*). Địa chỉ: số nhà 20, ngõ 108, đường H, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh N. Vắng mặt.

Tại phiên tòa: có mặt chị PA, vắng mặt anh C mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị PA trình bày:

Chị và anh Trần Minh C được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi hến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Thành, thành phố N vào ngày 09/03/2021. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà của bố mẹ anh C là ông Trần Mạnh T, bà Vũ Thị N tại số nhà 22, ngõ 30, đường K, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N. Hai người sinh sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C có lối sống khác biệt nên đã xảy ra nhiều bất đồng quan điểm sống với nhau, luôn có lối sống vô bổ, đi chơi bi-a ngày đêm có cá cược, không chịu

làm ăn, không có C ăn việc làm và dẫn đến nợ nần. Anh C không quan tâm đến đời sống cũng như tinh thần của vợ con và không có mục đích sống trong hôn nhân. Do không thể chịu được cách sống của anh C nên đến khoảng đầu tháng 8 năm 2023 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị là ông Phạm Văn N, bà Phạm Thị C để ở tại số nhà 20, ngõ 108 đường H, phố P, phường N thành phố N, tỉnh N và vợ chồng sống ly thân từ đó. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Minh C. Việc anh C xin đoàn tụ chị không đồng ý vì chị không còn tin tưởng anh C và tình cảm của chị đối với anh C không còn.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 01/11/2021. Nguyện vọng của chị khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị và anh C sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nghề nghiệp của chị là lao động tự do thu nhập khoảng 10.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung, C nợ chung: Vợ chồng chị tự giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Trần Minh C: Anh và chị Phạm Thị PA được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Thành vào ngày 09/03/2021. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà của bố mẹ anh tại số nhà 22, ngõ 30, đường K, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N. Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh có mải chơi, đi chơi bi-a đến 11 giờ, 12 giờ đêm mới về và dẫn đến nợ nần. Khoảng đầu tháng 8 năm 2023 hai người xảy ra mâu thuẫn cãi vã, chị PA đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà 20, ngõ 108 đường H, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh N và sống đến nay. Anh xác định tình cảm của anh đối với chị PA vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để cho con có một gia đình đầy đủ cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 01/11/2021. Quan điểm của anh là nếu phải ly hôn thì anh cũng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu B. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh và chị PA tự giải quyết. Hiện nay anh đang làm C việc đóng tàu ở doanh nghiệp Tuấn Đạt thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, C nợ chung: Anh và chị PA sẽ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, đã có lời khai trình bày trong hồ sơ vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai là chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 228 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị PA, xử cho chị Phạm Thị PA được ly hôn với anh Trần Minh C. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị PA chăm sóc, giáo dục cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 01/11/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị PA và anh C tự giải quyết, anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Về án phí ly hôn: chị Phạm Thị PA phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001154 ngày 02/10/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị PA và anh Trần Minh C kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Thành vào ngày 09/03/2021. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà của bố mẹ anh C tại số nhà 22, ngõ 30, đường K, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh N, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống với nhau, anh C thường xuyên đi chơi đến 11 - 12 giờ đêm mới về và dẫn đến nợ nần. Chị PA và gia đình bố mẹ cũng đã khuyên Bh C nhiều lần nhưng anh C không thay đổi cách sống. Chị PA đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ ở để ở. Từ đầu tháng 8 năm 2023 đến nay thì về ở hẳn. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân, anh C không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng mà còn nhắn tin đe đọa chị PA và có lời nói không tôn trọng với bố mẹ vợ. Về phía gia đình bố mẹ đẻ chị PA đồng ý để chị PA và anh C ly hôn. Đến nay, chị PA xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị PA và anh C đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh C xin đoàn tụ là không có cơ sở chấp nhận nên căn cứ Điều 56, 57 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn khởi kiện xử cho chị PA được ly hôn anh C là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. *Về con chung:* Chị Phạm Thị PA và anh Trần Minh C có 01 con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 01/11/2021. Hiện nay cả hai anh chị đều có nguyện vọng được nuôi cháu. Xét thấy cháu B hiện còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi; về điều kiện nuôi con chung, chị PA có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu. Do vậy cần giao cháu Trần Ngọc B cho mẹ cháu là chị PA trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

giáo dục là cần thiết. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị PA và anh C đều có ý kiến tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh C được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Khi cần thiết, các bên được quyền xin thay đổi nuôi con và giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[3].*Về tài sản chung, C nợ chung*: Chị PA và anh C thống nhất tự giải quyết không đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4].*Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị PA phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị PA.

Xử cho chị Phạm Thị PA được ly hôn anh Trần Minh C. Quan hệ hôn nhân giữa chị PA và anh C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 01/11/2021cho chị Phạm Thị PA trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị PA và anh C tự giải quyết. Anh C được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Chị Phạm Thị PA phải nộp 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001154 ngày 02/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N.

Án xử C khai sơ thẩm, chị PA có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi

- TAND tỉnh N
- VKSND TP N
- Chi cục thi hành án Ds TP N
- UBND phường.
- Các đương sự
- Lưu hs
- Lưu cq

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T